

**BAN CHỈ ĐẠO
THỰC HIỆN THỎA THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 40 /QĐ-BCĐTHTT

Hà Nội, ngày 17 tháng 6 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc Ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo thực hiện
Thỏa thuận giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
và Chính phủ nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào
về việc giải quyết vấn đề người di cư tự do
và kết hôn không giá thú trong vùng biên giới hai nước**

TRƯỞNG BAN CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN THỎA THUẬN

Căn cứ Quyết định số 34/2007/QĐ-TTg ngày 12 tháng 3 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế thành lập, tổ chức và hoạt động của tổ chức phối hợp liên ngành;

Căn cứ Quyết định số 2627/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án thực hiện "Thỏa thuận giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào về việc giải quyết vấn đề người di cư tự do, kết hôn không giá thú trong vùng biên giới hai nước";

Căn cứ Quyết định số 820/QĐ-TTg ngày 29 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện "Thỏa thuận giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào về việc giải quyết vấn đề người di cư tự do, kết hôn không giá thú trong vùng biên giới hai nước";

Xét đề nghị của Phó Trưởng ban Thường trực,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo thực hiện "Thỏa thuận giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào về việc giải quyết vấn đề người di cư tự do, kết hôn không giá thú trong vùng biên giới hai nước".

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Trưởng ban, Phó Trưởng ban, Ủy viên Ban Chỉ đạo thực hiện "Thỏa thuận giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào về việc giải quyết vấn đề người di cư tự do, kết hôn không giá thú trong vùng biên giới hai nước", Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này."

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, các cơ quan ngang Bộ;
- Tỉnh ủy, HĐND, UBND các tỉnh: Điện Biên, Sơn La, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Quảng Nam, Kon Tum;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương các Đoàn thể;
- Các thành viên Ban Chỉ đạo
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các vụ: TH, PL, KTTH, V.III, KTN, KGVX, QHQT;
- Lưu: Văn thư, BCĐTHIT (3b). HQ. 132

TRƯỞNG BAN



**PHÓ THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ
BỘ TRƯỞNG BỘ NGOẠI GIAO
Phạm Bình Minh**

QUY CHẾ

Hoạt động của Ban Chỉ đạo thực hiện Thỏa thuận giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào về việc giải quyết vấn đề người di cư tự do và kết hôn không giá thú trong vùng biên giới hai nước
(Ban hành kèm theo Quyết định số 40 /QĐ-BCĐTHTT ngày 15 tháng 6 năm 2014 của Ban Chỉ đạo thực hiện Thỏa thuận)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Quy chế này áp dụng đối với các hoạt động của Ban Chỉ đạo thực hiện Thỏa thuận giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào về việc giải quyết vấn đề người di cư tự do và kết hôn không giá thú trong vùng biên giới hai nước (sau đây gọi tắt là Ban Chỉ đạo thực hiện Thỏa thuận) và các cá nhân và tổ chức có liên quan.

Điều 2. Ban Chỉ đạo thực hiện Thỏa thuận là tổ chức phối hợp liên ngành, có trách nhiệm giúp Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo thống nhất việc triển khai thực hiện Thỏa thuận.

Điều 3. Nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo thực hiện Thỏa thuận

Ban Chỉ đạo thực hiện Thỏa thuận có các nhiệm vụ quy định tại Điều 2 Quyết định số 820/QĐ-TTg ngày 29 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ, cụ thể như sau:

1. Xây dựng nội dung hoạt động của Ban Chỉ đạo; nghiên cứu đề xuất các giải pháp thực hiện Thỏa thuận; chỉ đạo các Bộ, ngành và địa phương liên quan tổ chức thực hiện Thỏa thuận.

2. Kiểm tra, giám sát và giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Bộ, ngành, địa phương là thành viên Ban Chỉ đạo trong quá trình triển khai Thỏa thuận.

3. Tổng hợp báo cáo theo định kỳ 6 tháng, cả năm về kết quả thực hiện Thỏa thuận và đề xuất với Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách phù hợp với tình hình thực hiện Thỏa thuận cũng như tình hình biên giới Việt Nam - Lào.

Chương II
NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN BAN CHỈ ĐẠO VÀ
CƠ QUAN THƯỜNG TRỰC

Điều 4. Nhiệm vụ và quyền hạn của các thành viên Ban Chỉ đạo thực hiện Thỏa thuận

1. Trưởng Ban Chỉ đạo thực hiện Thỏa thuận:

- Quyết định và chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ về toàn bộ hoạt động của Ban Chỉ đạo; chỉ đạo và tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo được quy định tại Điều 2 Quyết định số 820/QĐ-TTg ngày 29 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ.

- Phụ trách chung các mặt công tác của Ban Chỉ đạo; phân công Ủy viên thường trực phụ trách một số nhiệm vụ cụ thể và chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ về sự phân công đó.

- Điều hành, chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc các Ủy viên Ban Chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ được giao; chỉ đạo hoạt động của bộ phận tham mưu, giúp việc Ban Chỉ đạo thực hiện Thỏa thuận giải quyết vấn đề người di cư tự do và kết hôn không giá thú trong vùng biên giới Việt Nam - Lào của các Bộ, ngành và địa phương liên quan; phê duyệt kế hoạch hoạt động và chủ trì các cuộc họp của Ban Chỉ đạo.

- Báo cáo Thủ tướng Chính phủ bổ sung, thay thế Ủy viên Ban Chỉ đạo trong trường hợp cần thiết.

- Khi vắng mặt, Trưởng ban có thể ủy quyền Ủy viên thường trực giải quyết công việc thuộc thẩm quyền Trưởng ban.

2. Phó Trưởng Ban Chỉ đạo thực hiện Thỏa thuận:

- Tổ chức các cuộc họp, hội nghị, hội thảo; chỉ đạo xây dựng kế hoạch công tác của Ban Chỉ đạo, báo cáo Trưởng ban.

- Chỉ đạo Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ được quy định tại Điều 6 của Quy chế này, kịp thời báo cáo Trưởng ban.

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành và địa phương liên quan và các Ủy viên Ban Chỉ đạo trong việc tham mưu, đề xuất biện pháp xử lý đối với các trường hợp phát sinh.

- Thực hiện nhiệm vụ Ủy viên Ban Chỉ đạo quy định tại Khoản 3 Điều 4 của Quy chế này và các nhiệm vụ khác khi được Trưởng ban phân công.

3. Các Ủy viên Ban Chỉ đạo thực hiện Thỏa thuận:

- Căn cứ nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo được quy định tại Điều 2 Quyết định số 820/QĐ-TTg ngày 29 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị chức năng trong phạm vi thẩm quyền, nắm chắc tình hình, tổng hợp đầy đủ các thông tin cần thiết, kịp thời báo cáo Trưởng ban.

- Phối hợp chặt chẽ giữa các Ủy viên Ban Chỉ đạo để thực hiện nhiệm vụ được phân công.

- Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Ban Chỉ đạo thực hiện Thỏa thuận, chuẩn bị ý kiến bằng văn bản về các nội dung của phiên họp.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác khi được Trưởng ban giao.

CHƯƠNG III **NHIỆM VỤ CỦA CƠ QUAN THƯỜNG TRỰC**

Điều 5. Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo là Bộ Ngoại giao; bộ phận giúp việc trực tiếp Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo là Ủy ban Biên giới quốc gia.

Điều 6. Cơ quan Thường trực có nhiệm vụ giúp Trưởng ban và Phó Trưởng Ban Chỉ đạo trong các công việc sau:

1. Chuẩn bị nội dung các cuộc họp, hội nghị, hội thảo, chương trình công tác của Ban Chỉ đạo và thường xuyên đôn đốc kiểm tra việc thực hiện các nội dung của Thỏa thuận.

2. Phối hợp với các Bộ, ngành và địa phương liên quan theo dõi, thu thập thông tin liên quan đến công tác thực hiện các nội dung của Thỏa thuận, các vấn đề phát sinh để tham mưu, đề xuất những biện pháp xử lý phù hợp; tổ chức các đoàn liên ngành kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện Thỏa thuận của các địa phương.

3. Nghiên cứu, xây dựng kế hoạch, điều hành, hướng dẫn các Bộ, ngành và địa phương liên quan hoạt động thống nhất và thực hiện các nhiệm vụ có hiệu quả.

4. Quản lý hồ sơ, tài liệu liên quan đến việc thực hiện các nội dung của Thỏa thuận và trang thiết bị, tài sản phục vụ hoạt động của Ban Chỉ đạo.

5. Hàng năm, lập dự toán kinh phí bảo đảm hoạt động của Ban Chỉ đạo và cơ quan Thường trực.

6. Thực hiện các nhiệm vụ khác khi được Trưởng ban và Phó Trưởng Ban Chỉ đạo giao.

Chương IV

CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VÀ QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 7. Nguyên tắc chỉ đạo và điều hành

1. Ban Chỉ đạo làm việc theo chế độ kiêm nhiệm. Những vấn đề quan trọng, nhạy cảm được thảo luận hoặc lấy ý kiến các Ủy viên Ban Chỉ đạo bằng văn bản, tổng hợp và báo cáo Trưởng ban để có giải pháp xử lý kịp thời.

2. Đối với các cuộc họp do Cơ quan Thường trực triệu tập, các vấn đề đưa ra thảo luận đảm bảo công khai, dân chủ, minh bạch, khách quan và được ghi lại thành biên bản, báo cáo Trưởng ban kịp thời.

Điều 8. Chế độ họp Ban Chỉ đạo

1. Định kỳ một năm, Ban Chỉ đạo tổ chức họp đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm trước, triển khai nhiệm vụ năm sau và báo cáo kết quả lên Thủ tướng Chính phủ.

2. Căn cứ yêu cầu nhiệm vụ, tình hình cụ thể tại từng địa phương, Trưởng ban quyết định triệu tập các Ủy viên liên quan họp bất thường.

3. Các Ủy viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các cuộc họp của Ban Chỉ đạo, nếu vắng mặt, báo cáo Trưởng ban hoặc Phó Trưởng ban được ủy quyền chủ trì cuộc họp và cử cán bộ có thẩm quyền tham dự.

Điều 9. Các cuộc họp do Cơ quan Thường trực triệu tập

1. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của Cơ quan Thường trực, Ủy viên thường trực Ban Chỉ đạo triệu tập Ủy viên Ban Chỉ đạo họp theo yêu cầu.

2. Trong trường hợp vắng mặt, Ủy viên Ban Chỉ đạo có trách nhiệm cử cán bộ có thẩm quyền tham dự cuộc họp.

Điều 10. Chế độ thông tin và báo cáo

Các Bộ, ngành và địa phương liên quan, định kỳ 06 tháng (hoặc đột xuất khi có yêu cầu), báo cáo tình hình thực hiện các nội dung của Thỏa thuận, gửi về Cơ quan Thường trực để tổng hợp, báo cáo Trưởng ban.

Chương V

CÔNG TÁC QUẢN LÝ TÀI CHÍNH

Điều 11. Hàng năm, căn cứ vào nhiệm vụ chỉ đạo thực hiện các nội dung của Thỏa thuận, Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo lập dự toán kinh phí hoạt động của Ban Chỉ đạo và Cơ quan Thường trực gửi Bộ Tài chính tổng hợp,

trình cấp có thẩm quyền quyết định bố trí trong dự toán chi ngân sách hàng năm của Bộ Ngoại giao và được quản lý, thanh quyết toán theo quy định.

Chương VI
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ

Điều 12. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Trưởng ban quyết định trên cơ sở đề nghị của các Ủy viên Ban Chi đạo./



PHÓ THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ
BỘ TRƯỞNG BỘ NGOẠI GIAO
Phạm Bình Minh